TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/DS-PT
Ngày: 19-5-2022
"V/v Tranh chấp đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Trần Tấn Quốc

Ông Nguyễn Văn Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 93/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tỉnh lộ 868, ấp 6, xã P, huyện C, tỉnh Tiền G.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Cẩm G, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số 24, đường N26, khu phố 5, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hùng M, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Số 67 ấp 1, xã T1, thị xã K, tỉnh Long An.

(theo văn bản ủy quyền công chứng ngày 25 tháng 4 năm 2022)

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Cẩm G.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, ông T2 có vay của bà số tiền 325.000.000 đồng, thỏa Tận lãi suất 3.000.000 đồng/tháng, biên nhận nợ do ông T2 viết và ký tên; đồng thời ông T2 giao cho bà giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số AN 310041 do ông T2 đứng tên. Sau đó, ông T2 mượn lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở trên để làm thủ tục bán nhà nên đã chuyển khoản trả cho bà số tiền 325.000.000 đồng. Sau đó, ông T2 hỏi vay tiếp số tiền 300.000.000 đồng, không thế chấp; hai bên thỏa thuận miệng giữ lại biên nhận vay ngày 06 tháng 7 năm 2020 để xác định còn nợ số tiền vay lần 2 là 300.000.000 đồng. Bà T đồng ý cho ông T2 vay 300.000.000 đồng và chuyển khoản qua số tài khoản của bà G là 070081831171 mở tại phòng giao dịch Vĩnh Hưng – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Long An do ông T2 yêu cầu vì ông T2 nói là hùn làm ăn chung với bà G hùn. Bà T đã 02 lần chuyển tiền qua số tài khoản 070081831171 cụ thể: Lần 01 vào ngày 11 tháng 8 năm 2020 chuyển số tiền 150.000.000 đồng, lần 02 vào ngày 20 tháng 8 năm 2020 chuyển số tiền 150.000.000 đồng.

Khi vay các bên thỏa thuận miệng với lãi suất 15.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay 07 tháng tính từ ngày vay. Từ khi vay đến nay, bà G và ông T2 chưa trả cho bà tiền gốc, bà G trả 5.000.000 đồng tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản.

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2021, bà T yêu cầu bà G và ông T2 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà tiền vay gốc 300.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà G trả lại số tiền 300.000.000 đồng mà bà đã chuyển vào số tài khoản của bà G và đồng ý trừ vào số tiền 5.000.000 đồng mà bà G đã chuyển cho bà. Bà T không yêu cầu đối với ông T2 vì không có chứng cứ chứng minh ông T2 vay số tiền 300.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tống đạt hợp lệ đối với bà G nhưng bà G không đến tham dự các phiên hòa giải theo quy định pháp luật. Đồng thời, bà G cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì và không gửi văn bản nêu ý kiến về việc bà T khởi kiện yêu cầu bà G phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An đã quyết định như sau:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 179, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, 275, 280 của Bộ luật dân sự; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà G phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 295.000.000 đồng (hai trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà G phải chịu 14.750.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Hoàn trả cho bà T 8.377.000 đồng (tám triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009671 ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, bị đơn bà G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Tòa án buộc bà G phải trả cho bà T là không đúng vì bà G không hỏi vay tiền bà T mà là ông T2 hỏi vay.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 17/QĐ-VKS-DS. Nội dung kháng nghị đề nghị Tòa án phúc thẩm xét xử hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có ý kiến là không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An; ông Minh đại diện bà G vẫn giữ yêu cầu kháng cáo hủy bản án sơ thẩm.

Ông Minh trình bày: Bà G hoàn toàn không có giao dịch vay tiền của bà T; bà G biết bà T là do ông T2 đưa bà T về nhà bà G. Giữa ông T2 và bà T có mối quan hệ trên mức tình bạn nên việc bà T cho ông T2 vay tiền là việc của bà T. Giữa bà G và ông T2 không có việc hùn làm ăn chung, ông T2 vay tiền bà T để mua xe tải chở mít và việc mua xe này bà T đều biết. Khi ông T2 bán xe không trả tiền cho bà T thì bắt đầu phát sinh tranh chấp giữa các bên. Bà G có cho ông T2 mượn số tài khoản và ông T2 là người cho số tài khoản của bà G cho bà T. Ông T3 là chồng bà G (là cậu ông T2) có biết việc ông T2 đi mua xe tải. Sau khi ông T2 vay tiền được bà T đồng ý thì bà T chuyển tiền vào tài khoản của bà G và ông T2 là người rút tiền và sử dụng số tiền trên. Cấp sơ thẩm không đưa ông T2 vào tham gia tố tụng và làm rõ số tiền của ông T2 nhận sử dụng vào mục đích gì, bà T biết việc ông T2 sử dụng số tiền trên nên việc buộc bà G có nghĩa vụ trả tiền cho bà T là không đúng. Yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bản án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo, kháng nghị: Theo đơn khởi kiện của bà T, khởi kiện bà G và ông T2 yêu cầu liên đới trả số tiền vay, Tòa cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng quy định. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà G trả số tiền 300.000.000 đồng trừ 5.000.000 đồng bà G đã chuyển khoản cho bà T. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là đòi tài sản, xác định bà G là bị đơn, chấm dứt tư cách tố tụng của ông T2 đồng thời không xác định ông T2 là đương sự trong vụ án "đòi tài sản" là không đúng quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sư. Lẽ ra, cấp sơ thẩm phải đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông T2 về quan hệ dân sự "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Mặt khác, tại phiên tòa bà G vắng mặt, việc bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, Tòa án đã chuyển quan hệ tranh chấp nhưng bà G không biết. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải thông báo cho bà G biết về việc Tòa án thụ lý quan hệ tranh chấp mới là "đòi tài sản" giữa nguyên đơn bà T và bị đơn bà G theo đúng quy định tại các Điều 170, 171, 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà T đều trình bày ông T2 là người hỏi vay tiền, việc bà T chuyển tiền vào tài khoản của bà G là theo yêu cầu của ông T2. Do đó, cần xác định ông T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ tranh chấp "đòi tài sản" giữa bà T và bà G.

Bà T yêu cầu bà G trả số tiền căn cứ vào chứng cứ 02 giấy nộp tiền vào ngày 11 và 20 tháng 8 năm 2020. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà T đều khai do ông T2 hỏi vay và ông T2 yêu cầu bà T chuyển vào tài khoản bà G để hùn làm ăn; bà G vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không thể xem xét ý kiến của bà G về việc bà T chuyển tiền vào tài khoản của bà G nhằm mục đích gì, ai là người nhận và sử dụng số tiền trên, ông T2 có liên quan gì đến số tiền trên hay không.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành thu thập chứng cứ, đối chất giữa bà G và ông T2; chưa thực hiện thủ tục thông báo cho bà G về việc bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện và bà G vắng mặt tại phiên tòa nên chưa làm rõ được các vấn đề trên mà bản án tuyên buộc cá nhân bà G trả cho bà T số tiền 295.000.000 đồng là chưa đủ cơ sở.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà G, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà G kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo và kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo, kháng nghị thấy rằng:

[3.1] Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà T xác định ông T2 là người trực tiếp giao dịch vay tiền với bà T lần thứ nhất là 325.000.000đ, hai bên có làm biên nhận nợ và đã thanh toán xong, đến lần thứ hai ông T2 tiếp tục giao dịch với bà T vay tiếp 300.00.000 đồng và hai bên thỏa Tận giữ lại biên nhận nợ trước đây không làm biên nhận mới. Sau đó ông T2 có nhờ bà T chuyển tiền qua tài khoản của bà G. Do ông T2 không thanh toán nên bà T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3.2] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm có làm việc với ông T2 và đối chất với bà T khi Tòa án thụ lý quan hệ dân sự tranh chấp vay tài sản; Sau đó Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử bà T2 là nguyên đơn, ông T2 và bà G với tư cách là bị đơn nhưng do ông T2 và bà G vắng mặt nên phiên tòa hoãn và sau đó phiên tòa tiếp tục xét xử vắng mặt bà G và ông T2. Bản án tuyên đã chuyển quan hệ dân sự từ tranh chấp vay tài sản sang tranh chấp đòi tài sản, chấm dứt tư cách bị đơn của ông T2 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thông báo thụ lý cho bà G biết về việc chuyển quan hệ tranh chấp bà G là bị đơn trong vụ án tranh chấp đòi tài sản mà tiếp tục giải quyết vắng mặt bà G là chưa đảm bảo quyền lợi cho bà G. Bà T trình bày do không có chứng cứ chứng minh ông T2 vay tiền nên tại phiên tòa thay đổi yêu cầu là tranh chấp đòi tài sản, bà G là bị đơn. Như vậy, việc tranh chấp đòi tài sản vẫn liên quan đến ông T2 về nguồn gốc của số tiền nhưng Tòa án không đưa ông T2 tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên trong vụ án tranh chấp đòi tài sản là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

[3.3] Về nội dung: Bà T cung cấp chứng cứ thể hiện tin nhắn giữa bà T và bà G về việc ông T2 mượn tiền bà T và bà T biết ông T2 mượn tiền để mua xe ôtô tải, bà T biết việc ông T2 đã mua xe ôtô tải, sau đó ông T2 có mối quan hệ khác, ông T2 đã bán xe không trả tiền cho bà T nên phát sinh tranh chấp giữa các bên. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ số tiền chuyển vào tài khoản của bà G thì bà G là người trực tiếp đưa tiền cho ông T2 hay ông T2 là người trực tiếp rút tiền từ tài khoản của bà G. Nội dung tin nhắn thể hiện việc ông T3 và ông T2 đi mua xe; như vậy cần làm rõ có việc mua xe hay không và sử dụng số tiền nào để mua xe để từ đó chứng minh có việc ông T2 đã nhận tiền vay và mua xe như đã thỏa Tận khi mượn tiền của bà T hay không; đồng thời chưa tiến hành đối chất giữa bà G và ông T2 để làm rõ những nội dung tin nhắn trên zalo do bà T cung cấp. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ các vấn đề trên mà bản án tuyên buộc cá nhân bà G trả cho bà T số tiền 295.000.000 đồng là chưa đủ cơ sở. Tại phiên Tòa

phúc thẩm bị đơn cung cấp tin nhắn từ zalo giữa bà T và bà G, hình ảnh chiếc xe ôtô tải ông T2 rao bán vì cho rằng việc ông T2 mượn tiền mua xe ôtô tải là có thật, đây là tình tiết mới cần phải làm rõ thêm.

[4] Từ nhận định mục [3], Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng không đưa ông T2 vào tham gia tố tụng trong vụ án và việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên cần chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà G và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An như đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thụ lý giải quyết lại theo quy định. Về tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp sẽ được xử lý khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại lại theo thủ tục chung

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà G không phải chịu theo Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà G.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Cẩm G.

Chấp nhận kháng nghị số 17/QĐ-VKS-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi vụ án thụ lý lại giải quyết theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Cẩm G không phải chịu. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Cẩm G đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000614 ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Lê Thị Bích Tuyền